Công ty Cổ phần Ôtô Trường Hải

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

Ngày 30 tháng 6 năm 2017

CÔNG TY CỔ PHẦN
Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

Digitally signed by CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI
DN: c=VN, st=Đồng Nai, l=Biên Hòa, cn=CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI, 0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:3600252847
Date: 2017.10.10 09:41:49 +07'00'

MỤC LỤC

	Trang
Thông tin chung	1
Báo cáo của Hội đồng Quản trị	2
Báo cáo soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	3 - 4
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	5 - 6
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	7
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	8 - 9
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ	10 - 49

Công ty Cổ phần Ôtô Trường Hải

THÔNG TIN CHUNG

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ôtô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch và ôtô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ôtô; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ôtô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, và máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại Số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 48 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Trần Bá Dương	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Hùng Minh	Phó Chủ tịch	
Bà Viên Diệu Hoa	Thành viên	
Ông Cheah Kim Teck	Thành viên	
Ông Lê Trọng Sánh	Thành viên	
Ông Adrian Teng	Thành viên	
Ông Mai Phước Nghê	Thành viên	
Ông Bùi Kim Kha	Thành viên	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Thành viên	bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Ông Vũ Bảo Quốc	Thành viên	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Phúc Thịnh	Trưởng Ban
Ông Đặng Công Trực	Thành viên
Bà Huỳnh Thị Thanh Thảo	Thành viên

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Nguyễn Hùng Minh	Tổng Giám đốc	
Ông Thái Duy Hùng	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Phạm Văn Tài	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Bùi Kim Kha	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Mai Phước Nghê	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thiện Mỹ	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Vũ Bảo Quốc	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 5 tháng 4 năm 2017

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và vào ngày lập báo cáo này là Ông Trần Bá Dương.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Công ty Cổ phần Ôtô Trường Hải

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Ôtô Trường Hải ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho từng kỳ kế toán phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn trong kỳ. Trong quá trình lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ; và
- lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với Chế độ kế toán đã được áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

PHÊ DUYỆT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Chúng tôi phê duyệt báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thay mặt Hội đồng Quản trị:

S.Đ.K.K.D: 3600252847 C.T.C.P CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI TP. BIÊN HÒA - T. ĐỒNG NAI

Trần Bá Dương
Chủ tịch

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 8 năm 2017

Building a better working world

Ernst & Young Vietnam Limited
28th Floor, Bitexco Financial Tower
2 Hai Trieu Street, District 1
Ho Chi Minh City, S.R. of Vietnam

Tel: +84 8 3824 5252
Fax: +84 8 3824 5250
ey.com

Số tham chiếu: 61005161/19357308/LR-HN

BÁO CÁO SOÁT XÉT BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Kính gửi: Quý Cổ đông của Công ty Cổ phần Ôtô Trường Hải

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Ôtô Trường Hải ("Công ty") và các công ty con ("Tập đoàn") được lập ngày 24 tháng 8 năm 2017 và được trình bày từ trang 5 đến trang 49, bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Building a better
working world

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kèm theo không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ernst & Young Việt Nam

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN ERNST & YOUNG VIỆT NAM

Dương Lê Anthony
Phó Tổng Giám đốc
Giấy CNĐKHN kiểm toán
Số: 2223-2013-004-1

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Ngày 24 tháng 8 năm 2017

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	*TÀI SẢN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2017*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
100	**A. TÀI SẢN NGẮN HẠN**		**35.957.298.764**	**34.768.113.901**
110	***I. Tiền và các khoản tương đương tiền***	***4***	***891.081.748***	***989.892.637***
111	1. Tiền		888.081.748	987.892.637
112	2. Các khoản tương đương tiền		3.000.000	2.000.000
120	***II. Đầu tư tài chính ngắn hạn***		***504.800.108***	***496.042.631***
121	1. Chứng khoán kinh doanh	5.1	300.322.358	300.322.358
123	2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	5.2	204.477.750	195.720.273
130	***III. Các khoản phải thu ngắn hạn***		***6.670.255.634***	***5.908.118.212***
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	6	1.951.123.603	2.231.994.490
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	7	3.707.373.353	3.123.482.462
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	8	98.871.171	9.144.848
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	9	930.858.354	561.561.021
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	6, 8	(20.232.737)	(20.170.535)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý		2.261.890	2.105.926
140	***IV. Hàng tồn kho***	***11***	***26.979.110.115***	***26.463.181.213***
141	1. Hàng tồn kho		27.376.145.422	26.969.467.719
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho		(397.035.307)	(506.286.506)
150	***V. Tài sản ngắn hạn khác***		***912.051.159***	***910.879.208***
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	18	208.991.273	230.228.138
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	22	658.599.850	643.038.556
153	3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	22	44.460.036	37.612.514
200	**B. TÀI SẢN DÀI HẠN**		**20.160.783.145**	**19.180.866.115**
210	***I. Các khoản phải thu dài hạn***		***124.784.410***	***124.210.364***
215	1. Phải thu về cho vay dài hạn	10	16.497.949	16.497.949
216	2. Phải thu dài hạn khác	9	108.461.461	107.887.415
219	3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		(175.000)	(175.000)
220	***II. Tài sản cố định***		***8.119.654.788***	***8.156.397.042***
221	1. Tài sản cố định hữu hình	12	3.964.878.966	4.164.513.802
222	Nguyên giá		7.054.627.408	6.851.174.419
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(3.089.748.442)	(2.686.660.617)
227	2. Tài sản vô hình	13	4.154.775.822	3.991.883.240
228	Nguyên giá		4.286.867.053	4.097.746.427
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(132.091.231)	(105.863.187)
230	***III. Bất động sản đầu tư***	***14***	***382.840.219***	***367.892.601***
231	1. Nguyên giá		389.169.647	370.361.679
232	2. Giá trị khấu hao lũy kế		(6.329.428)	(2.469.078)
240	***IV. Tài sản dở dang dài hạn***		***5.811.412.235***	***4.468.255.761***
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	16	5.811.412.235	4.468.255.761
250	***V. Đầu tư tài chính dài hạn***		***27.217.810***	***27.159.479***
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết	17.1	6.697.810	6.639.479
253	2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	17.2	62.500.369	62.500.369
254	3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	17.2	(41.980.369)	(41.980.369)
260	***VI. Tài sản dài hạn khác***		***5.694.873.683***	***6.036.950.868***
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	18	462.532.628	506.654.232
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	34.3	30.051.887	26.533.271
269	3. Lợi thế thương mại	19	5.202.289.168	5.503.763.365
270	**TỔNG CỘNG TÀI SẢN**		**56.118.081.909**	**53.948.980.016**

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
vào ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	*NGUỒN VỐN*	*Thuyết minh*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2017*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
300	**C. NỢ PHẢI TRẢ**		**31.919.966.420**	**30.673.423.999**
310	***I. Nợ ngắn hạn***		***28.927.580.835***	***27.140.392.261***
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	20	6.655.235.606	7.197.978.712
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	21	4.536.386.990	3.966.259.498
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	22	694.976.926	1.248.150.050
314	4. Phải trả người lao động		41.789.652	21.288.280
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	23	527.776.947	632.420.100
318	6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn		5.436.930	2.185.764
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	24	175.575.287	189.159.696
320	8. Vay ngắn hạn	25	16.209.295.519	13.794.837.965
321	9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	26	73.045.656	85.489.362
322	10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		8.061.322	2.622.834
330	***II. Nợ dài hạn***		***2.992.385.585***	***3.533.031.738***
331	1. Phải trả người bán dài hạn		-	40.718
337	2. Phải trả dài hạn khác	24	10.837.986	10.347.625
338	3. Vay dài hạn	25	2.613.103.499	3.125.880.082
341	4. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	34.3	350.273.700	378.868.208
342	5. Dự phòng phải trả dài hạn		18.170.400	17.895.105
400	**D. VỐN CHỦ SỞ HỮU**		**24.198.115.489**	**23.275.556.017**
410	***I. Vốn chủ sở hữu***		***24.198.115.489***	***23.275.556.017***
411	1. Vốn cổ phần	27.1	4.145.000.000	4.145.000.000
411a	- *Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết*		*4.145.000.000*	*4.145.000.000*
412	2. Thặng dư vốn cổ phần	27.1	2.998.618.837	2.998.618.837
414	3. Vốn khác của chủ sở hữu	27.1	15.799.800	5.212.200
415	4. Cổ phiếu quỹ	27.1	(6.840.000)	(6.840.000)
417	5. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	27.1	946.666	(1.534.881)
421	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	27.1	16.295.574.635	15.393.263.002
421a	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước*		*13.734.868.837*	*7.494.280.252*
421b	- *Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này*		*2.560.705.798*	*7.898.982.750*
429	7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát		749.015.551	741.836.859
440	**TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN**		**56.118.081.909**	**53.948.980.016**

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

Đỗ Thị Liên Chi	Nguyễn Hoàng Phi	Trần Bá Dương
Người lập	Kế toán trưởng	Chủ tịch

Ngày 24 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*
01	**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**28.1**	**25.529.125.400**	**26.999.899.956**
02	**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**	**28.1**	**(2.198.936)**	**(568.079)**
10	**3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ**	**28.1**	**25.526.926.464**	**26.999.331.877**
11	**4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp**	**29, 33**	**(20.669.041.884)**	**(21.141.532.206)**
20	**5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ**		**4.857.884.580**	**5.857.799.671**
21	**6. Doanh thu hoạt động tài chính**	**28.2**	**197.108.658**	**171.988.140**
22	**7. Chi phí tài chính**	**31**	**(568.751.444)**	**(737.786.545)**
23	*- Trong đó: Chi phí lãi vay*	*31*	*(297.097.035)*	*(241.033.281)*
24	**8. Phần lãi trong công ty liên kết**		**58.331**	**36.347**
25	**9. Chi phí bán hàng**	**30, 33**	**(839.567.411)**	**(813.740.302)**
26	**10. Chi phí quản lý doanh nghiệp**	**30, 33**	**(786.980.029)**	**(505.075.843)**
30	**11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh**		**2.859.752.685**	**3.973.221.468**
31	**12. Thu nhập khác**	**32**	**96.304.915**	**74.783.726**
32	**13. Chi phí khác**	**32**	**(136.255.274)**	**(98.239.454)**
40	**14. Lỗ khác**	**32**	**(39.950.359)**	**(23.455.728)**
50	**15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế**		**2.819.802.326**	**3.949.765.740**
51	**16. Chi phí thuế TNDN hiện hành**	**34.2**	**(236.868.254)**	**(207.569.247)**
52	**17. Lợi ích (chi phí) thuế TNDN hoãn lại**	**34.3**	**32.113.123**	**(32.633.661)**
60	**18. Lợi nhuận sau thuế TNDN**		**2.615.047.195**	**3.709.562.832**
61	**19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ**		**2.567.222.635**	**3.682.349.636**
62	**20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát**		**47.824.560**	**27.213.196**
70	**21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu** (VND/cổ phiếu)	**27.5**	**6.196**	**9.180**
71	**22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu** (VND/cổ phiếu)	**27.5**	**6.196**	**9.180**

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

Đỗ Thị Liên Chi	Nguyễn Hoàng Phi	Trần Bá Dương
Người lập	Kế toán trưởng	Chủ tịch

Ngày 24 tháng 8 năm 2017

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*
	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
01	**Lợi nhuận trước thuế**		**2.819.802.326**	**3.949.765.740**
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và hao mòn tài sản cố định	12, 13, 14, 19	748.818.351	377.239.122
03	(Hoàn nhập) trích lập các khoản dự phòng		(121.632.703)	66.257.388
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		98.391.762	311.543.610
05	Lỗ từ hoạt động đầu tư		89.910.432	14.223.729
06	Chi phí lãi vay	31	297.097.035	241.033.281
08	**Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động**		**3.932.387.203**	**4.960.062.870**
09	(Tăng) giảm các khoản phải thu		(342.548.852)	1.682.239.985
10	Tăng hàng tồn kho		(230.193.005)	(622.104.755)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(589.804.129)	980.408.205
12	Giảm chi phí trả trước		65.358.469	11.822.933
14	Tiền lãi vay đã trả		(429.305.192)	(241.505.744)
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	34.2	(362.801.911)	(191.325.610)
17	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(15.537.485)	(90.086)
20	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh**		**2.027.555.098**	**6.579.507.798**
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm và xây dựng tài sản cố định		(2.226.364.659)	(1.725.106.245)
22	Tiền thu do thanh lý tài sản cố định		14.671.409	2.586.686
23	Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và cho các đơn vị khác vay		(102.563.800)	(1.540.160)
24	Tiền thu hồi khoản cho vay		4.080.000	3.533.211
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(23.193.381)	(9.069.144.000)
27	Lãi tiền gửi và cho vay nhận được		13.109.157	1.857.194
30	**Lưu chuyển tiền thuần sử dụng vào hoạt động đầu tư**		**(2.320.261.274)**	**(10.787.813.314)**

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017

Ngàn VND

Mã số	*CHỈ TIÊU*	*Thuyết minh*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
31	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu		30.000.000	1.350.000.000
33	Tiền thu từ đi vay		23.561.502.743	22.073.093.981
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(21.703.313.221)	(17.976.017.365)
36	Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu		(1.656.888.279)	(1.243.285.353)
37	Cổ tức đã trả cho cổ đông không kiểm soát		(38.528.331)	-
40	**Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính**		**192.772.912**	**4.203.791.263**
50	**Lưu chuyển tiền và tương đương tiền thuần trong kỳ**		**(99.933.264)**	**(4.514.253)**
60	**Tiền và tương đương tiền đầu kỳ**		**989.892.637**	**685.888.556**
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		1.122.375	1.048.238
70	**Tiền và tương đương tiền cuối kỳ**	**4**	**891.081.748**	**682.422.541**

CÔNG TY CỔ PHẦN Ô TÔ TRƯỜNG HẢI

Đỗ Thị Liên Chi	Nguyễn Hoàng Phi	Trần Bá Dương
Người lập	Kế toán trưởng	Chủ tịch

Ngày 24 tháng 8 năm 2017

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Ôtô Trường Hải ("Công ty") là một công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4703000375 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp vào ngày 6 tháng 4 năm 2007 và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh sau đó.

Hoạt động chính trong năm của Công ty là sản xuất và lắp ráp xe thương mại, xe du lịch, và ôtô khách; sửa chữa, bảo trì, bán phụ tùng các loại xe ôtô; đầu tư và kinh doanh bất động sản; xây dựng công trình công nghiệp và giao thông; mua bán xe ôtô và xe có động cơ; mua bán máy san ủi, trải nhựa, rải đường, máy trộn bê tông, và máy kéo bánh xích; mua bán máy nông ngư cơ, máy móc, thiết bị công nghiệp; và dịch vụ thiết kế công nghiệp, máy móc, xe cộ.

Công ty có trụ sở chính tại Số 19, Khu Công nghiệp Biên Hòa II, Đường 2A, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam và có văn phòng đại diện tại số 80 Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 8, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có 48 chi nhánh tại các tỉnh thành khác của Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty và các công ty con ("Tập đoàn") vào ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 15.795 (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 16.540).

Cơ cấu tổ chức

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có 51 công ty con như sau:

	Tên công ty con	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*
1.	Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất và Lắp ráp Ôtô Tải Chu Lai Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
2.	Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ôtô Du lịch Trường Hải – KIA	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
3.	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư Phát triển Hạ tầng Khu Công nghiệp và Đô thị Chu Lai Trường Hải	Phát triển hạ tầng khu công nghiệp	Đang hoạt động	100
4.	Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Cung cấp vật tư, thiết bị	Đang hoạt động	99,99
5.	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100
6.	Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất và Lắp ráp Ôtô khách Trường Hải	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
7.	Công ty TNHH Một thành viên Cảng Chu Lai - Trường Hải	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100
8.	Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải - Bình Dương	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
9.	Công ty TNHH Một thành viên Vận tải - Giao nhận - Phân phối Ôtô Chu Lai Trường Hải	Phân phối ô tô	Đang hoạt động	100
10.	Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Ôtô Vina – Mazda	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
11.	Công ty TNHH Một thành viên Cơ khí Chuyên dụng Bắc bộ Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100
12.	Công ty TNHH Công nghệ Ô tô Soo Sung	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	75

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*
13. Công ty TNHH Một thành viên Vận tải Biển Chu Lai - Trường Hải	Dịch vụ vận tải biển	Đang hoạt động	100
14. Công ty TNHH Một thành viên Gia công Thép Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất thép	Đang hoạt động	100
15. Công ty TNHH Một thành viên Phân phối Ôtô Du lịch Chu Lai - Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
16. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Ôtô Chuyên dụng Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100
17. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải Nghệ An	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
18. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Linh kiện Nhựa Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100
19. Trường Cao đẳng Nghề Chu Lai - Trường Hải	Đào tạo	Đang hoạt động	100
20. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Sản xuất Diệu Bằng	Thương mại	Đang hoạt động	100
21. Công ty TNHH Một thành viên Phụ tùng Trường Hải	Mua bán phụ tùng ô tô	Ngưng hoạt động	100
22. Công ty TNHH Một thành viên Thương mại Dịch vụ Vận tải Trường Hải - Bình Phước	Dịch vụ vận tải	Đang hoạt động	100
23. Công ty TNHH Thái Nguyên Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
24. Công ty TNHH Một thành viên Cơ điện Chu Lai Trường Hải	Sản xuất cơ điện	Đang hoạt động	100
25. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải - Hà Nam	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
26. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Kính Ôtô Chu Lai Trường Hải	Sản xuất kính	Đang hoạt động	100
27. Công Ty TNHH Một thành viên Vận tải Đường bộ Chu Lai - Trường Hải	Vận tải - Giao nhận - Phân phối	Đang hoạt động	100
28. Công Ty TNHH Một thành viên Huế Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
29. Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Ôtô	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	51
30. Công ty TNHH Sản xuất và Lắp ráp Điện lạnh Trường Hải	Sản xuất bộ phận cơ khí	Đang hoạt động	100
31. Công ty TNHH Một thành viên Xây dựng Chu Lai Trường Hải	Xây dựng	Đang hoạt động	100
32. Công ty Cổ phần Vũng Tàu Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	99,8

1. THÔNG TIN VỀ CÔNG TY (tiếp theo)

Cơ cấu tổ chức (tiếp theo)

Tên công ty con	*Lĩnh vực kinh doanh*	*Tình trạng hoạt động*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*
33. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải - Vĩnh Phúc	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
34. Công ty TNHH Sản xuất Phụ tùng Điện Ôtô	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	51
35. Công ty TNHH Một thành viên Hóa chất Chuyên dụng Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất keo dính	Đang hoạt động	100
36. Công ty TNHH Một thành viên Bắc Ninh Trường Hải	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
37. Công ty TNHH Một thành viên sản xuất Nhíp Ôtô Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100
38. Công ty TNHH Một thành viên Truyền thông Đa phương tiện Trường Hải	Quảng cáo	Đang hoạt động	100
39. Công ty TNHH Một thành viên Trường Phú	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
40. Công ty TNHH Sản xuất xe Chuyên dụng Thaco	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	51
41. Công ty TNHH Trường Hải - Quảng Bình	Mua bán ô tô	Đang hoạt động	100
42. Công ty TNHH MTV Sản xuất Linh Kiện Composite Chu Lai Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100
43. Công ty TNHH Sản xuất Khuôn Chu Lai - Trường Hải	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	100
44. Công ty TNHH MTV Sản xuất và Lắp ráp Xe tải Thaco	Sản xuất ô tô	Đang hoạt động	100
45. Công ty TNHH Sản xuất Máy lạnh Ôtô Vina	Sản xuất phụ tùng ô tô	Đang hoạt động	51
46. Công ty TNHH Một thành viên Trường Hải Phú Yên	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	100
47. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất xe Bus Thaco	Sản xuất ô tô	Trước hoạt động	100
48. Công ty Cổ phần Đầu tư Địa ốc Đại Quang Minh ("DQM")	Mua bán bất động sản	Đang hoạt động	90
49. Công ty Cổ phần Trường Hải Đức Thành	Mua bán ô tô	Trước hoạt động	77,5
50. Công ty TNHH Một thành viên Ôtô Sản xuất Thaco - Mazda	Sản xuất ô tô	Trước hoạt động	100
51. Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất Máy lạnh Thaco	Sản xuất phụ tùng ô tô	Trước hoạt động	60

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 *Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn được trình bày bằng ngàn đồng Việt Nam ("ngàn VND") phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam, Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 27 - Báo cáo tài chính giữa niên độ và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam khác do Bộ Tài chính ban hành theo:

- Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 1);
- Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 2);
- Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 3);
- Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 4); và
- Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 *Hình thức sổ kế toán áp dụng*

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Tập đoàn là hình thức kế toán trên máy vi tính.

2.3 *Kỳ kế toán năm*

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn áp dụng cho việc lập báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 *Đơn vị tiền tệ trong kế toán*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập bằng đơn vị tiền tệ trong kế toán của Công ty là VND.

2.5 *Cơ sở hợp nhất*

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty mẹ và các công ty con cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty mẹ và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một kỳ kế toán và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa niên độ giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông không kiểm soát là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

Ảnh hưởng do các thay đổi trong tỷ lệ sở hữu công ty con mà không làm mất quyền kiểm soát được hạch toán vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.2 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi cấn trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.3 Hàng tồn kho

Xe và hàng tồn kho liên quan

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Hàng hóa	-	chi phí mua theo phương pháp thực tế đích danh đối với xe và bộ linh kiện (CKD) và theo phương pháp bình quân gia quyền đối với phụ tùng.
Phụ tùng, linh kiện và công cụ, dụng cụ	-	chi phí mua thực tế theo phương pháp bình quân gia quyền.
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang và thành phẩm	-	giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng hóa bất động sản

Bất động sản được xây dựng để bán trong quá trình hoạt động bình thường của Tập đoàn, không phải để cho thuê hoặc chờ tăng giá, được ghi nhận là hàng hóa bất động sản theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá thành của hàng hóa bất động sản bao gồm:

- Chi phí tiền sử dụng đất;
- Chi phí xây dựng trả cho nhà thầu; và
- Chi phí lãi vay, chi phí tư vấn, thiết kế, chi phí san lấp, phí tư vấn, thuế chuyển nhượng đất, chi phí quản lý xây dựng chung, và các chi phí liên quan khác.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng hóa bất động sản trong điều kiện kinh doanh bình thường, dựa trên giá thị trường vào ngày báo cáo và chiết khấu cho giá trị thời gian của dòng tiền, nếu đáng kể, và trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.3 *Hàng tồn kho* (tiếp theo)

Hàng hóa bất động sản (tiếp theo)

Giá vốn của bất động sản đã bán được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ dựa trên các chi phí trực tiếp tạo thành bất động sản đó và chi phí chung được phân bổ trên cơ sở diện tích tương ứng của bất động sản đó.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với hàng tồn kho thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.4 *Tài sản cố định hữu hình*

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3.5 *Tài sản vô hình*

Tài sản vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản vô hình bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản vô hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản và các chi phí khác được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ khi phát sinh.

Khi tài sản vô hình được bán hay thanh lý, các khoản lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý tài sản (là phần chênh lệch giữa giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của tài sản) được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản vô hình khi Tập đoàn nắm giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá của quyền sử dụng đất bao gồm tất cả chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sử dụng như dự kiến.

3.6 *Khấu hao và hao mòn*

Khấu hao tài sản cố định hữu hình và hao mòn tài sản vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 50 năm
Máy móc và thiết bị	3 - 10 năm
Phương tiện vận tải	6 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 10 năm
Phần mềm máy tính	3 - 8 năm
Tài sản khác	3 - 8 năm

Quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu trừ theo số năm phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, trong khi quyền sử dụng đất lâu dài sẽ không được khấu trừ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.7 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các nhà máy sản xuất và lắp ráp, phòng trưng bày, trung tâm thương mại xe, các dự án dưới hình thức hợp đồng xây dựng và chuyển giao, nhà cửa, vật kiến trúc và các chi phí trực tiếp khác của Tập đoàn mà các công trình này chưa được hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

3.8 Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán như chi phí phát sinh trong kỳ, ngoại trừ các khoản được vốn hóa như theo nội dung của đoạn tiếp theo.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua sắm, xây dựng hoặc hình thành một tài sản cụ thể cần có một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá của tài sản đó.

3.9 Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá bao gồm cả các chi phí giao dịch liên quan trừ đi giá trị khấu hao lũy kế. Đối với bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá, Tập đoàn không trích khấu hao mà xác định tổn thất do giảm giá trị.

Các khoản chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được hạch toán vào giá trị còn lại của bất động sản đầu tư khi Tập đoàn có khả năng thu được các lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu của bất động sản đầu tư đó.

Khấu hao bất động sản đầu tư được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản như sau:

Nhà cửa, vật kiến trúc	50 năm

Bất động sản đầu tư không còn được trình bày trong bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ sau khi đã bán hoặc sau khi bất động sản đầu tư đã không còn được sử dụng và xét thấy không thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc thanh lý bất động sản đầu tư đó. Chênh lệch giữa tiền thu thuần từ việc bán tài sản với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ trong kỳ thanh lý.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng thành bất động sản đầu tư chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như trường hợp chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng chỉ khi có sự thay đổi về mục đích sử dụng như các trường hợp chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

3.10 Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

3.11 Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp giá mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh của bên bị mua đều ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.11 *Hợp nhất kinh doanh và lợi thế thương mại* (tiếp theo)

Lợi thế thương mại phát sinh từ hợp nhất kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, là phần chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh so với với phần sở hữu của bên mua trong giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi ghi nhận ban đầu, lợi thế thương mại được xác định giá trị bằng nguyên giá trừ đi giá trị phân bổ lũy kế. Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian hữu ích được ước tính là mười (10) năm. Định kỳ công ty mẹ phải đánh giá tổn thất lợi thế thương mại tại công ty con, nếu có bằng chứng cho thấy số lợi thế thương mại bị tổn thất lớn hơn số phân bổ hàng năm thì phân bổ theo số lợi thế thương mại bị tổn thất ngay trong kỳ phát sinh.

Trong kỳ, Tập đoàn đã soát xét và thay đổi thời gian phân bổ của lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Đại Quang Minh từ 6,5 năm lên 10 năm dựa trên ước tính lợi ích kinh tế có được từ các dự án của công ty này trong tương lai.

3.12 *Các khoản đầu tư*

Đầu tư vào các công ty liên kết

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu trên 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư. Tập đoàn không phân bổ lợi thế thương mại này mà hàng kỳ thực hiện đánh giá xem lợi thế thương mại có bị suy giảm giá trị hay không. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được cấn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Báo cáo tài chính giữa niên độ của công ty liên kết được lập cùng kỳ với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán với Tập đoàn. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chứng khoán kinh doanh và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá trị các khoản đầu tư góp vốn

Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản chứng khoán kinh doanh và các khoản đầu tư góp vốn vào ngày kết thúc kỳ kế toán theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC và Thông tư số 89/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành lần lượt vào ngày 7 tháng 12 năm 2009 và ngày 28 tháng 6 năm 2013. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.12 *Các khoản đầu tư* (tiếp theo)

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc. Sau khi ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Các khoản suy giảm giá trị của khoản đầu tư nếu phát sinh được hạch toán vào chi phí trong kỳ và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

3.13 *Các khoản phải trả và chi phí trích trước*

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.14 *Trợ cấp thôi việc phải trả*

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Tập đoàn được hơn 12 tháng cho đến ngày lập bảng cân đối kế toán theo tỷ lệ một nửa mức lương bình quân tháng cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 theo Luật Lao động và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng dùng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hoặc giảm trong khoản trích trước này ngoại trừ phần thanh toán thực tế cho người lao động sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

Khoản trợ cấp thôi việc trích trước này được sử dụng để trả trợ cấp thôi việc cho người lao động khi chấm dứt hợp đồng lao động theo Điều 48 của Bộ luật Lao động.

3.15 *Các khoản dự phòng*

Tập đoàn ghi nhận dự phòng khi có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) là kết quả của một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.16 *Các nghiệp vụ bằng ngoại tệ*

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán VND của Tập đoàn được hạch toán theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ theo nguyên tắc sau:

- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải thu được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn chỉ định khách hàng thanh toán;
- Nghiệp vụ làm phát sinh các khoản phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn dự kiến giao dịch; và
- Giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả) được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp thực hiện thanh toán.

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế vào ngày của bảng cân đối kế toán theo nguyên tắc sau:

- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là tài sản được hạch toán theo tỷ giá mua của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch; và
- Các khoản mục tiền tệ được phân loại là nợ phải trả được hạch toán theo tỷ giá bán của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.17 Cổ phiếu quỹ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi, lỗ khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.18 Phân chia lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập quỹ dự phòng theo Điều lệ Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Tập đoàn trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên, và được trình bày như một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ.

3.19 Lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho việc trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.20 Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp hàng hóa và dịch vụ liên quan (bộ phận được chia theo hoạt động kinh doanh) hoặc cung cấp hàng hóa và dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận được chia theo khu vực địa lý). Mỗi một bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt so với các bộ phận khác.

3.21 Ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua.

Doanh thu chuyển nhượng căn hộ và nhà phố

Đối với các căn hộ và nhà phố mà Tập đoàn bán sau khi đã xây dựng hoàn tất, doanh thu và giá vốn được được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích liên quan đến căn hộ và nhà phố đã được chuyển giao sang người mua.

Tiền cho thuê

Thu nhập từ tiền cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.21 *Ghi nhận doanh thu* (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi hoàn thành việc cung cấp dịch vụ.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

3.22 *Các bên liên quan*

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp – kể cả công ty mẹ, công ty con, công ty liên kết – các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian, có quyền kiểm soát Tập đoàn hoặc chịu sự kiểm soát của Tập đoàn, hoặc cùng chung kiểm soát với Tập đoàn.

Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Tập đoàn mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Tập đoàn, những chức trách quản lý chủ chốt như giám đốc, viên chức của Tập đoàn, những thành viên thân cận trong gia đình của các cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan. Trong việc xem xét mối quan hệ của từng bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

3.23 *Thuế*

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho kỳ hiện hành và các kỳ trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải nộp khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải nộp và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời vào ngày kết thúc kỳ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của các khoản mục này trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các kỳ sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có thu nhập chịu thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ thu nhập chịu thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho kỳ kế toán khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (tiếp theo)

3.23 *Thuế* (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại (tiếp theo)

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Tiền mặt	11.008.127	37.038.321
Tiền gửi ngân hàng	872.350.159	950.724.316
Tiền đang chuyển	4.723.462	130.000
Các khoản tương đương tiền *(*)*	3.000.000	2.000.000
TỔNG CỘNG	**891.081.748**	**989.892.637**

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện các khoản tiền gửi tại ngân hàng thương mại có thời hạn gốc không quá ba (3) tháng và hưởng lãi suất tiền gửi được áp dụng.

5. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

5.1 *Chứng khoán kinh doanh*

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*	
	Giá gốc	*Giá trị hợp lý*	*Giá gốc*	*Giá trị hợp lý*
Đầu tư ủy thác vào cổ phiếu	300.322.358	300.322.358	300.322.358	300.322.358

5.2 *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn *(*)*	204.477.750	195.720.273

(*) Khoản này thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn gốc từ ba (3) tháng đến một (1) năm, và hưởng lãi suất tiền gửi được áp dụng.

6. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Các bên khác	1.938.503.194	2.229.007.481
Các bên liên quan *(Thuyết minh số 35)*	12.620.409	2.987.009
TỔNG CỘNG	**1.951.123.603**	**2.231.994.490**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(15.167.889)	(15.105.687)
GIÁ TRỊ THUẦN	**1.935.955.714**	**2.216.888.803**

7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Trả trước cho nhà thầu xây dựng	1.502.546.483	1.073.508.401
Trả trước mua cổ phần	1.114.000.000	1.114.000.000
Trả trước mua quyền sử dụng đất	596.158.487	555.401.343
Trả trước mua hàng hóa	494.668.383	380.572.718
TỔNG CỘNG	**3.707.373.353**	**3.123.482.462**
Trong đó:		
Trả trước mua cổ phần cho cổ đông cá nhân	*882.000.000*	*882.000.000*
Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội	*170.000.000*	*170.000.000*
Các bên khác	*2.655.373.353*	*2.071.482.462*

8. PHẢI THU VỀ CHO VAY NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Công ty Trách nhiệm Hữu hạn Ngọc Thy	93.806.323	-
Bà Võ Thị Mượt	2.584.444	2.584.444
Doanh nghiệp Tư nhân Thanh Tùng	2.480.404	2.480.404
Ông Yuhn Young Lae	-	4.080.000
TỔNG CỘNG	**98.871.171**	**9.144.848**
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(5.064.848)	(5.064.848)
GIÁ TRỊ THUẦN	**93.806.323**	**4.080.000**

9. PHẢI THU KHÁC

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Ngắn hạn		
Tạm ứng *(i)*	357.764.769	320.574.498
Phải thu bảo hiểm	360.148.334	-
Nộp tiền thuê đất vào ngân sách Nhà nước	106.456.247	98.886.678
Chi trả hộ	55.475.817	62.015.486
Ký quỹ mở thư tín dụng	12.156.082	13.176.456
Thuế nhập khẩu	18.109.884	19.369.103
Khác	20.747.221	47.538.800
	930.858.354	**561.561.021**
Dài hạn		
Ký quỹ, ký cược *(ii)*	108.461.461	107.887.415
	108.461.461	107.887.415
TỔNG CỘNG	**1.039.319.815**	**669.448.436**
Trong đó:		
Các bên khác	*1.039.275.082*	*669.396.315*
Các bên liên quan (Thuyết minh số 35)	*44.733*	*52.121*

(i) Đây chủ yếu là các khoản tạm ứng để phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

(ii) Số dư này chủ yếu thể hiện khoản ký quỹ cho Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh để thực hiện Dự án Vùng Châu thổ phía Nam thuộc Khu Đô thị mới Thủ Thiêm.

10. PHẢI THU VỀ CHO VAY DÀI HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Cho bên khác vay	16.497.949	16.497.949

Chi tiết khoản cho bên khác vay như sau:

Bên vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2017* *Ngàn VND*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
Công ty Cổ phần Tập đoàn Ô tô Hoàng Gia	16.497.949	5 năm từ ngày 31 tháng 12 năm 2014	Lãi suất thỏa thuận	Tín chấp

11. HÀNG TỒN KHO

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*	
	Giá gốc	*Dự phòng*	*Giá gốc*	*Dự phòng*
Bất động sản dở dang *(i)*	10.472.289.427	-	10.254.545.763	-
Thành phẩm	5.641.185.720	(305.886.227)	4.759.482.440	(458.606.436)
Nguyên vật liệu	4.491.342.074	(43.082.884)	4.671.985.477	(9.320.212)
Hàng mua đang đi trên đường	3.952.637.971	-	4.561.824.829	-
Hàng hóa	2.495.759.889	(48.066.196)	2.481.002.654	(38.359.858)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	306.017.086	-	223.216.458	-
Công cụ, dụng cụ	16.913.255	-	17.410.098	-
TỔNG CỘNG	**27.376.145.422**	**(397.035.307)**	**26.969.467.719**	**(506.286.506)**

(i) Đây là bất động sản dở dang của Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản Đại Quang Minh ("DQM") vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Chi tiết như sau:

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Chi phí xây dựng và chi phi khác liên quan trực tiếp tới dự án	4.011.243.133	3.897.135.902
Khu II	2.390.345.262	2.885.372.105
- *Dự án Biệt thự (Saroma Villa)*	*1.298.155.849*	*1.152.934.653*
- *Dự án Nhà phố Thương mại (Shophouse)*	*359.470.497*	*1.123.191.779*
- *Dự án Sarica Condominium*	*572.748.072*	*400.050.515*
- *Dự án Sarimi*	*159.970.844*	*209.195.158*
Khu III	891.263.247	532.583.610
- *Dự án Nhà phố Thương mại (Sari Town)*	*477.795.825*	*355.415.113*
- *Dự án Sarina Condominium*	*298.907.581*	*163.823.966*
- *Dự án Biệt thự*	*114.559.841*	*13.344.531*
Khu VI	729.634.624	479.180.187
- *Dự án Sadora Apartment*	*713.401.772*	*462.947.335*
- *Dự án Savita*	*9.841.633*	*9.841.633*
- *Dự án Samera*	*6.391.219*	*6.391.219*
Tiền sử dụng đất	4.271.212.744	4.330.967.938
Chi phí cơ sở hạ tầng và chi phí chung	1.705.151.661	1.613.324.881
Chi phí xây dựng công viên	483.942.400	413.117.042
Khác	739.489	-
TỔNG CỘNG	**10.472.289.427**	**10.254.545.763**

Như được trình bày tại Thuyết minh số 25, Tập đoàn đã sử dụng một số bất động sản dở dang của DQM để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

Chi tiết tình hình tăng giảm dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*
Số đầu kỳ	(506.286.506)	(40.105.334)
Cộng: Dự phòng trích lập trong kỳ	(6.796.544)	(65.747.459)
Trừ: Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	116.047.743	7.021.309
Số cuối kỳ	(397.035.307)	(98.831.484)

12. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

Ngàn VND

	Nhà cửa và vật kiến trúc	*Máy móc và thiết bị*	*Phương tiện vận tải*	*Thiết bị văn phòng*	*Tài sản khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.964.571.254	3.098.379.029	620.962.106	110.613.801	56.648.229	6.851.174.419
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	94.762.289	32.142.024	19.524.338	1.134.328	1.480.517	149.043.496
Mua mới trong kỳ	36.610.850	60.578.431	18.270.800	6.823.656	10.536.737	132.820.474
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	2.383.676	670.286	161.590	63.303	-	3.278.855
Thanh lý	(6.026.004)	(11.439.612)	(4.709.305)	(1.126.185)	-	(23.301.106)
Giảm khác	(30.062.607)	(28.326.123)	-	-	-	(58.388.730)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	3.062.239.458	3.152.004.035	654.209.529	117.508.903	68.665.483	7.054.627.408
Trong đó:						
Đã khấu hao hết	*91.509.631*	*480.702.893*	*66.126.649*	*26.541.892*	*10.433.410*	*675.314.475*
Giá trị khấu hao lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(815.783.721)	(1.513.932.031)	(271.948.281)	(60.541.934)	(24.454.650)	(2.686.660.617)
Khấu hao trong kỳ	(122.871.904)	(243.081.754)	(35.626.118)	(10.863.793)	(5.928.594)	(418.372.163)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	(541.139)	(307.897)	(135.838)	(60.292)	-	(1.045.166)
Thanh lý	4.524.741	6.900.700	4.135.475	768.588	-	16.329.504
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	(934.672.023)	(1.750.420.982)	(303.574.762)	(70.697.431)	(30.383.244)	(3.089.748.442)
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.148.787.533	1.584.446.998	349.013.825	50.071.867	32.193.579	4.164.513.802
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.127.567.435	1.401.583.053	350.634.767	46.811.472	38.282.239	3.964.878.966

Như được trình bày tại Thuyết minh số 25, Tập đoàn đã sử dụng một số tài sản cố định hữu hình để đảm bảo cho các khoản vay ngân hàng.

13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Ngàn VND

	Quyền sử dụng đất lâu dài	*Quyền sử dụng đất có thời hạn*	*Phần mềm máy tính*	*Bản quyền*	*Tài sản khác*	*Tổng cộng*
Nguyên giá:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.833.712.811	1.208.882.268	27.579.097	421.178	27.151.073	4.097.746.427
Mua mới trong kỳ	-	-	5.184.379	-	-	5.184.379
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	-	176.167.254	-	-	-	176.167.254
Phân loại lại	(40.426.392)	40.426.392	-	-	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	6.458.108	-	13.941	-	1.296.944	7.768.993
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.799.744.527	1.425.475.914	32.777.417	421.178	28.448.017	4.286.867.053
Trong đó:						
Đã hao mòn hết	-	-	*14.197.974*	*421.178*	-	*14.619.152*
Giá trị hao mòn lũy kế:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	-	(67.100.963)	(16.248.669)	(421.178)	(22.092.377)	(105.863.187)
Hao mòn trong kỳ	-	(21.998.456)	(2.055.297)	-	(1.057.888)	(25.111.641)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	(9.690)	-	(1.106.713)	(1.116.403)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	-	(89.099.419)	(18.313.656)	(421.178)	(24.256.978)	(132.091.231)
Giá trị còn lại:						
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	2.833.712.811	1.141.781.305	11.330.428	-	5.058.696	3.991.883.240
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	2.799.744.527	1.336.376.495	14.463.761	-	4.191.039	4.154.775.822

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

		Ngàn VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Bất động sản đầu tư cho thuê của DQM	382.840.219	367.892.601

Chi tiết bất động sản đầu tư cho thuê như sau:

	Ngàn VND
	Khu thương mại và tầng hầm
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	370.361.679
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	18.807.968
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	389.169.647
Giá trị khấu hao lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(2.469.078)
Khấu hao trong kỳ	(3.860.350)
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	(6.329.428)
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	367.892.601
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	382.840.219

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 30 tháng 6 năm 2017. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ sách do hầu hết bất động sản đầu tư đã được cho thuê lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. CHI PHÍ ĐI VAY ĐƯỢC VỐN HÓA

Trong năm, Tập đoàn đã vốn hóa chi phí đi vay với tổng số tiền là 193.061.287 ngàn VND (cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016: 2.525.735 ngàn VND). Đây là chi phí đi vay phát sinh từ các khoản vay ngân hàng để tài trợ việc xây dựng và phát triển các dự án căn hộ, nhà phố và biệt thự thuộc Khu Đô thị Sala trong Khu Đô thị mới Thủ Thiêm, Quận 2, Thành phố Hồ Chí Minh; và phát triển cơ sở hạ tầng của khu công nghiệp ở Chu Lai, Tỉnh Quảng Nam.

16. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỞ DANG

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Dự án 4 tuyến đường *(*)*	2.776.435.133	2.626.075.081
Khu dự án phức hợp thương mại và văn phòng	1.062.578.229	727.622.056
Dự án Khu Công nghiệp Cơ khí Ôtô Chu Lai - Trường Hải	771.008.168	47.812.434
Dự án hệ thống phòng trưng bày xe	533.550.602	550.624.610
Dự án nhà văn hóa	166.614.551	136.512.829
Công trình Cảng Tam Hiệp	86.280.627	83.759.112
Dự án cảng Chu Lai Trường Hải	83.003.820	61.715.964
Mua máy móc và thiết bị	25.523.445	18.755.488
Khác	306.417.660	215.378.187
TỔNG CỘNG	**5.811.412.235**	**4.468.255.761**

(*) Đây là dự án xây dựng - chuyển giao ("BT") 4 tuyến đường chính trong Khu Đô thị mới Thủ Thiêm. Dự án này được thực hiện trên cơ sở Hợp đồng BT số 883/HĐ-UBND-M ký kết với Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh vào ngày 1 tháng 12 năm 2014. Theo đó, Tập đoàn sẽ đầu tư xây dựng 4 tuyến đường chính đổi lại Tập đoàn sẽ được cấp đất trong Khu Đô thị mới Thủ Thiêm để phát triển các dự án bất động sản khác. Tổng vốn đầu tư của dự án này là 8.265.157.000 ngàn VND.

Quỹ đất được giao có tổng diện tích là 789.866 m2 bao gồm các lô đất để thực hiện các dự án trong Khu II, IIA, III và IIIA thuộc Khu Đô thị mới Thủ Thiêm, trị giá 12.490.687.000 ngàn VND, sẽ được cấn trừ với tổng chi phí xây dựng dự án BT và bằng tiền cho phần chênh lệch còn lại. Đến ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn đã thanh toán trước 2.424.978.906 ngàn VND liên quan đến phần chênh lệch giữa giá trị dự án BT sẽ được quyết toán và giá trị đất được giao.

Vào ngày 22 tháng 5 năm 2014, Tập đoàn nhận được Công văn số 731/TTg-KTN của Thủ tướng Chính phủ Việt Nam phê duyệt bổ sung Dự án Quảng trường Trung tâm và Công viên Bờ sông ("dự án BT bổ sung") vào Hợp đồng BT - 4 tuyến đường chính. Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn và Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh chưa ký phụ lục về dự án BT bổ sung của Hợp đồng BT 4 tuyến đường chính này.

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Đầu tư vào công ty liên kết *(Thuyết minh số 17.1)*	6.697.810	6.639.479
Đầu tư vào đơn vị khác *(Thuyết minh số 17.2)*	62.500.369	62.500.369
TỔNG CỘNG	**69.198.179**	**69.139.848**
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(41.980.369)	(41.980.369)
GIÁ TRỊ THUẦN	**27.217.810**	**27.159.479**

17. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN (tiếp theo)

17.1 Đầu tư vào công ty liên kết

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*	
	Tỷ lệ sở hữu (%)	*Giá gốc Ngàn VND*	*Tỷ lệ sở hữu (%)*	*Giá gốc Ngàn VND*
Công ty TNHH Ôtô Thaco - KIA Đà Nẵng	50	4.500.000	50	4.500.000
Công ty TNHH Thương mại Vỏ xe Triều Hải	30	2.655.347	30	2.655.347
TỔNG CỘNG		**7.155.347**		**7.155.347**

Chi tiết giá trị khoản đầu tư vào các công ty liên kết như sau:

	Ngàn VND Số tiền
Giá trị đầu tư:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	7.155.347
Phần lỗ lũy kế sau khi mua công ty liên kết:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	(515.868)
Phần lãi từ công ty liên kết trong kỳ	58.331
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	(457.537)
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	6.639.479
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	6.697.810

17.2 Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017		*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*	
	Số cổ phần	*Giá gốc Ngàn VND*	*Số cổ phần*	*Giá gốc Ngàn VND*
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Phát triển Hồ Chí Minh (HDBank)	3.420.000	62.500.369	3.420.000	62.500.369
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(41.980.369)		(41.980.369)
GIÁ TRỊ THUẦN		**20.520.000**		**20.520.000**

18. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Ngắn hạn		
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	105.971.334	137.165.992
Công cụ và thiết bị đang dùng	49.509.464	50.127.967
Chi phí quảng cáo	16.376.624	3.662.104
Chi phí bảo trì và sửa chữa	13.680.015	8.897.571
Khác	23.453.836	30.374.504
	208.991.273	**230.228.138**
Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ đang dùng	111.939.871	106.563.272
Tiền thuê nhà máy, văn phòng và mặt bằng	109.244.501	93.267.422
Chi phí hỗ trợ kỹ thuật	106.618.722	165.589.444
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa	74.782.697	80.391.040
Chi phí đền bù	36.006.292	37.466.007
Khác	23.940.545	23.377.047
	462.532.628	**506.654.232**
TỔNG CỘNG	**671.523.901**	**736.882.370**

19. LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

Ngàn VND

	Số tiền
Nguyên giá:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016 và ngày 30 tháng 6 năm 2017	6.193.408.503
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	689.645.138
Hao mòn trong kỳ	301.474.197
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	991.119.335
Giá trị còn lại:	
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	5.503.763.365
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	5.202.289.168

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 3.11, Tập đoàn đã soát xét và thay đổi thời gian phân bổ của lợi thế thương mại phát sinh từ việc hợp nhất kinh doanh DQM từ 6,5 năm lên 10 năm. Theo đó, giá trị phân bổ của lợi thế thương mại này cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 là 281.248.928 ngàn VND, thấp hơn 164.061.875 ngàn VND so với việc tiếp tục phân bổ lợi thế thương mại 6,5 năm.

20. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Mazda Motor Corporation *(*)*	4.370.871.888	1.761.347.708
Kia Motors Corporation *(*)*	500.609.632	734.552.949
Foton International Trade Co., Ltd	285.428.941	-
Huyndai Motor Corporation	111.595.092	9.890.979
Các bên khác	1.386.730.053	4.692.187.076
TỔNG CỘNG	**6.655.235.606**	**7.197.978.712**

(*) Đây là các khoản phải trả liên quan đến việc mua hàng tồn kho và trong đó một phần được thực hiện dưới hình thức thư tín dụng trả chậm thanh toán ngay (UPAS L/C) phát hành bởi Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam, Ngân hàng BNP Paribas Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam, Ngân hàng TMCP Quân đội và Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam.

21. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Các bên khác	4.515.866.099	3.796.171.381
Bên liên quan *(Thuyết minh số 35)*	20.520.891	170.088.117
TỔNG CỘNG	**4.536.386.990**	**3.966.259.498**

22. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

Ngàn VND

	Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	*Tăng trong kỳ*	*Giảm trong kỳ*	*Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017*
Thuế tiêu thụ đặc biệt	845.826.014	2.948.673.238	(3.346.226.945)	448.272.307
Thuế giá trị gia tăng	(499.107.639)	2.333.799.056	(2.349.598.049)	(514.906.632)
Thuế xuất nhập khẩu	22.900.137	1.799.673.697	(1.822.151.551)	422.283
Thuế thu nhập doanh nghiệp	181.524.182	236.868.254	(362.801.911)	55.590.525
Khác	16.356.286	84.886.768	(98.704.497)	2.538.557
TỔNG CỘNG	**567.498.980**	**7.403.901.013**	**(7.979.482.953)**	**(8.082.960)**
Trong đó:				
Phải thu	*680.651.070*			*703.059.886*
Phải trả	*1.248.150.050*			*694.976.926*

23. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Chi phí xây dựng	142.613.119	151.920.992
Lương tháng 13	142.519.792	301.281.577
Lãi vay	109.566.303	65.289.762
Mua nguyên vật liệu	71.254.057	48.574.036
Chi phí bảo hiểm	22.936.367	25.818.534
Thuế	9.024.512	8.609.316
Chi phí quảng cáo	3.861.211	471.721
Chi phí vận chuyển	1.696.622	2.775.886
Tiền thuê đất và thuê kho	118.346	102.465
Khác	24.186.618	27.575.811
TỔNG CỘNG	**527.776.947**	**632.420.100**

24. PHẢI TRẢ KHÁC

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Ngắn hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	46.085.542	47.397.738
Chi phí bảo trì, duy tu và bảo dưỡng	35.406.940	42.091.443
Thu hộ	26.033.537	11.602.085
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế và kinh phí công đoàn	20.734.171	22.467.985
Cổ tức phải trả	3.378.934	1.336.978
Tài sản thừa chờ xử lý	957.927	560.915
Nhận tiền góp vốn	-	44.100.000
Phải trả liên quan đến dự án khoa học và công nghệ	-	6.565.199
Khác	42.978.236	13.037.353
	175.575.287	**189.159.696**
Dài hạn		
Nhận ký quỹ, ký cược	10.837.986	10.347.625
TỔNG CỘNG	**186.413.273**	**199.507.321**

25. VAY

Ngàn VND

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Ngắn hạn	**16.209.295.519**	**13.794.837.965**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 25.1)*	13.419.146.455	11.927.996.936
Vay từ bên liên quan *(Thuyết minh số 25.2)*	311.480.000	406.480.000
Vay từ bên khác *(Thuyết minh số 25.3)*	3.914.784	3.914.784
Vay dài hạn đến hạn trả *(Thuyết minh số 25.4)*	2.474.754.280	1.456.446.245
Dài hạn	**2.613.103.499**	**3.125.880.082**
Vay ngân hàng *(Thuyết minh số 25.4)*	2.612.813.769	3.125.590.352
Vay từ bên khác	289.730	289.730
TỔNG CỘNG	**18.822.399.018**	**16.920.718.047**

25. VAY (tiếp theo)

25.1 Vay ngân hàng ngắn hạn

Tập đoàn vay các khoản vay ngắn hạn từ các ngân hàng nhằm bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	*Ngày 30 tháng 6 năm 2017* *Ngàn VND*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	4.158.393.277	6 - 9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Một phần tín chấp và được thế chấp bằng tài sản cố định hữu hình *(Thuyết minh số 12)*
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	2.907.241.305	3 - 6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên Mizuho (Việt Nam) - Chi nhánh Hà Nội	1.358.882.736	4 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Sumitomo Mitsui Banking Corporation – Chi nhánh Singapore	885.432.368	1 - 9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng BNP Paribas Việt Nam - Chi nhánh Hồ Chí Minh	685.270.248	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên ANZ (Việt Nam)	628.355.911	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai	600.195.727	4 - 9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TNHH Một thành viên HSBC (Việt Nam)	577.751.860	150 ngày kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
JPMorgan Chase Bank, N.A., - Chi nhánh Singapore	446.713.369	1 - 9 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Taipei Fubon Commercial Bank Co., Ltd. – Chi nhánh Hồ Chí Minh	443.779.261	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp

25. VAY (tiếp theo)

25.1 *Vay ngân hàng ngắn hạn* (tiếp theo)

Ngân hàng	*Ngày 30 tháng 6 năm 2017* *Ngàn VND*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	237.549.679	1 năm kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tổng tài sản hình thành trong tương lai thuộc Khu nhà ở thấp tầng Khu III của Khu Đô thị mới Thủ Thiêm
Ngân hàng TNHH Một thành viên Standard Chartered Việt Nam	194.121.202	180 ngày kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	65.619.828	6 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Hà Nội – Chi nhánh Sài Gòn	58.117.937	1 năm kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tổng tài sản hình thành trong tương lai dự án Khu chung cư thấp tầng C1 trong Khu II của Khu Đô thị mới Thủ Thiêm
Shinhan Bank Korea	171.721.747	1 năm kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
TỔNG CỘNG	**13.419.146.455**			

25. VAY (tiếp theo)

25.2 *Vay ngắn hạn từ bên liên quan*

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2017* *Ngàn VND*	*Ngày đáo hạn*	*Mục đích vay*	*Lãi suất*
Cá nhân	311.480.000	Ngày 30 tháng 6 năm 2018	Bổ sung vốn lưu động	Không lãi suất

25.3 *Vay ngắn hạn từ bên khác*

Chi tiết vay ngắn hạn tín chấp từ bên khác như sau:

Bên cho vay	*Ngày 30 tháng 6 năm 2017* *Ngàn VND*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Mục đích vay*	*Lãi suất*
Cá nhân	3.914.784	1 năm kể từ ngày nhận nợ vay	Đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây dựng và Vật tư Thiết bị	Không lãi suất

25.4 *Vay ngân hàng dài hạn*

		Ngàn VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Vay dài hạn từ ngân hàng	5.087.568.049	4.582.036.597
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả	*2.474.754.280*	*1.456.446.245*
Vay dài hạn	*2.612.813.769*	*3.125.590.352*

25. VAY (tiếp theo)

25.4 *Vay ngân hàng dài hạn* (tiếp theo)

Tập đoàn vay các khoản vay dài hạn từ các ngân hàng nhằm tài trợ cho các dự án xây dựng khu công nghiệp, dự án BT, dự án trong Khu Đô thị mới Thủ Thiêm và bổ sung nhu cầu vốn lưu động của Tập đoàn. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	*Ngày 30 tháng 6 năm 2017*	*Kỳ hạn trả gốc*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	Ngàn VND			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	2.528.246.797	60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Một phần tài sản hình thành từ vốn vay của Khu nhà thấp tầng (Khu II) - Khu dân cư phía nam đường Mai Chí Thọ - Khu Đô thị mới Thủ Thiêm
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*1.264.000.000*			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	1.033.021.944	60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Một phần tài sản hình thành trong tương lai của Khu nhà ở phức hợp, thương mại dịch vụ và bệnh viện quốc tế trong Khu VI của Khu Đô thị mới Thủ Thiêm
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*172.170.324*			
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thủ Thiêm	837.675.974	24 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tài sản hình thành trong tương lai của Khu Nhà phố Thương mại trong Khu III của Khu Đô thị mới Thủ Thiêm
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*792.057.428*			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Sài Gòn	381.127.206	Thanh toán nhiều lần, lần đầu vào ngày 25 tháng 11 năm 2017	Lãi suất thị trường	Tổng tài sản hình thành trong tương lai dự án Khu chung cư thấp tầng Clock 1 trong Khu II của Khu Đô thị mới Thủ Thiêm
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*152.167.860*			

25. VAY (tiếp theo)

25.4 Vay ngân hàng dài hạn (tiếp theo)

Ngân hàng	*Ngày 30 tháng 6 năm 2017*	*Thời hạn thanh toán*	*Lãi suất*	*Hình thức đảm bảo*
	Ngàn VND			
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	221.030.490	72 - 120 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*74.850.668*			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Quảng Nam	43.334.638	60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tài sản cố định hình thành từ vốn vay
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*10.800.000*			
Junbuk Bank – Chi nhánh Hàn Quốc	19.475.000	30 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tín chấp
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	-			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Huế	17.656.000	60 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Quyền sử dụng đất và tài sản hình thành từ vốn vay
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*4.708.000*			
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Đông Anh	6.000.000	48 tháng kể từ ngày nhận nợ vay	Lãi suất thị trường	Tài sản cố định hình thành từ vốn vay
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*4.000.000*			
TỔNG CỘNG	**5.087.568.049**			
Trong đó:				
Vay dài hạn đến hạn trả	*2.474.754.280*			
Vay dài hạn	*2.612.813.769*			

26. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Đây là khoản dự phòng chi phí bảo hành và bảo dưỡng cho xe ô tô đã bán.

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU

27.1 Tình hình tăng giảm vốn chủ sở hữu

Ngàn VND

	Vốn cổ phần	*Thặng dư vốn cổ phần*	*Vốn khác của chủ sở hữu*	*Cổ phiếu quỹ*	*Chênh lệch tỷ giá hối đoái*	*Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2015	3.845.000.000	1.948.618.837	3.315.000	(6.840.000)	(3.116.081)	8.741.745.802	14.528.723.558
Tăng vốn trong kỳ	300.000.000	1.050.000.000	-	-	-	-	1.350.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	3.682.349.636	3.682.349.636
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(1.242.960.000)	(1.242.960.000)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	3.022.948	-	3.022.948
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2016	4.145.000.000	2.998.618.837	3.315.000	(6.840.000)	(93.133)	11.181.135.438	18.321.136.142
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017:							
Vào ngày 31 tháng 12 năm 2016	4.145.000.000	2.998.618.837	5.212.200	(6.840.000)	(1.534.881)	15.393.263.002	22.533.719.158
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	2.567.222.635	2.567.222.635
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(1.657.280.000)	(1.657.280.000)
Tăng do thay đổi tỷ lệ sở hữu trong công ty con	-	-	-	-	-	5.742.382	5.742.382
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(2.785.784)	(2.785.784)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	-	2.481.547	-	2.481.547
Khác	-	-	10.587.600	-	-	(10.587.600)	-
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017	4.145.000.000	2.998.618.837	15.799.800	(6.840.000)	946.666	16.295.574.635	23.449.099.938

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.2 *Vốn cổ phần*

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017			*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*		
	Số lượng cổ phiếu	*Ngàn VND*	*%*	*Số lượng cổ phiếu*	*Ngàn VND*	*%*
Cổ đông tổ chức	357.777.273	3.577.772.730	86,32	357.125.488	3.571.254.880	86,16
Cổ đông cá nhân	56.542.727	565.427.270	13,64	57.194.512	571.945.120	13,80
Cổ phiếu quỹ	180.000	1.800.000	0,04	180.000	1.800.000	0,04
TỔNG CỘNG	**414.500.000**	**4.145.000.000**	**100**	**414.500.000**	**4.145.000.000**	**100**

27.3 *Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức*

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*
Vốn cổ phần đã phát hành		
Số đầu kỳ	4.145.000.000	3.845.000.000
Tăng vốn trong kỳ	-	300.000.000
Số cuối kỳ	4.145.000.000	4.145.000.000
Cổ tức		
Cổ tức đã công bố	*1.657.280.000*	*1.242.960.000*
Cổ tức đã trả	*1.656.888.279*	*1.243.285.353*

27.4 *Cổ phiếu*

Số lượng cổ phiếu

	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Cổ phiếu đã được duyệt	414.500.000	414.500.000
Cổ phiếu đã đã phát hành và góp vốn đủ	414.500.000	414.500.000
Cổ phiếu phổ thông	*414.500.000*	*414.500.000*
Cổ phiếu quỹ	(180.000)	(180.000)
Cổ phiếu phổ thông	*(180.000)*	*(180.000)*
Cổ phiếu đang lưu hành	414.320.000	414.320.000
Cổ phiếu phổ thông	*414.320.000*	*414.320.000*

27. VỐN CHỦ SỞ HỮU (tiếp theo)

27.5 Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn sử dụng các thông tin sau để tính lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu:

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*
Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông phổ thông *(ngàn VND) (*)*	2.567.222.635	3.682.349.636
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân (cổ phiếu)	414.320.000	401.133.187
Lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu *(VND/cổ phiếu)*	6.196	9.180

Không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng suy giảm nào vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

(*) Lợi nhuận dùng để tính lãi trên cổ phiếu cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017 chưa được điều chỉnh giảm cho khoản trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận của năm 2016 do Tập đoàn chưa có kế hoạch trích lập quỹ từ nguồn lợi nhuận sau thuế chưa phân phối cho kỳ hiện tại.

28. DOANH THU

28.1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*
Doanh thu gộp	**25.529.125.400**	**26.999.899.956**
Trong đó:		
Doanh thu bán xe	*22.758.614.517*	*26.176.012.660*
Doanh thu chuyển nhượng căn hộ và nhà phố	*1.654.470.895*	*-*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*812.478.181*	*595.255.822*
Doanh thu bán phụ tùng	*287.367.093*	*215.188.311*
Khác	*16.194.714*	*13.443.163*
Các khoản giảm trừ	**(2.198.936)**	**(568.079)**
Hàng bán bị trả lại	*-*	*(568.079)*
Chiết khấu thương mại	*(2.198.936)*	*-*
Doanh thu thuần	**25.526.926.464**	**26.999.331.877**
Trong đó:		
Doanh thu bán xe	*22.757.508.763*	*26.175.444.581*
Doanh thu chuyển nhượng căn hộ và nhà phố	*1.654.470.895*	*-*
Doanh thu cung cấp dịch vụ	*812.478.181*	*595.255.822*
Doanh thu bán phụ tùng	*286.273.911*	*215.188.311*
Khác	*16.194.714*	*13.443.163*

28. DOANH THU (tiếp theo)

28.2 Doanh thu hoạt động tài chính

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	187.436.501	157.867.207
Lãi tiền gửi ngân hàng	8.765.213	1.857.194
Lãi cho vay	906.944	360.626
Khác	-	11.903.113
TỔNG CỘNG	**197.108.658**	**171.988.140**

29. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*
Giá vốn của xe	18.867.582.519	20.697.991.850
Giá vốn chuyển nhượng căn hộ và nhà phố	1.210.873.268	-
Giá vốn dịch vụ cung cấp	448.062.701	319.848.080
Giá vốn của phụ tùng	133.103.871	118.416.001
Khác	9.419.525	5.276.275
TỔNG CỘNG	**20.669.041.884**	**21.141.532.206**

30. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*
Chi phí bán hàng	**839.567.411**	**813.740.302**
Chi phí dịch vụ mua ngoài	238.193.399	214.446.751
Chi phí giao xe	159.942.665	137.274.412
Chi phí lương	226.850.934	217.058.390
Phí hỗ trợ kĩ thuật	69.793.701	80.612.124
Chi phí bảo hành	59.307.281	68.114.053
Chi phí khấu hao	32.591.488	35.132.078
Chi phí công cụ, dụng cụ	39.886.716	34.127.636
Khác	13.001.227	26.974.858
Chi phí quản lý doanh nghiệp	**786.980.029**	**505.075.843**
Chi phí lương	262.333.044	280.031.328
Phân bổ lợi thế thương mại	301.474.197	20.225.269
Chi phí dịch vụ mua ngoài	128.063.158	132.582.103
Chi phí khấu hao và hao mòn	66.191.103	40.833.210
Khác	28.918.527	31.403.933
TỔNG CỘNG	**1.626.547.440**	**1.318.816.145**

31. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*
Lãi vay	297.097.035	241.033.281
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	264.434.971	486.828.556
Khác	7.219.438	9.924.708
TỔNG CỘNG	**568.751.444**	**737.786.545**

32. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*
Thu nhập khác	**96.304.915**	**74.783.726**
Thu nhập từ dịch vụ đăng ký xe ô tô	31.201.308	31.655.076
Cho thuê mặt bằng và văn phòng	20.567.254	2.239.778
Thuế được hoàn	16.664.249	13.746.494
Thu nhập bán công cụ và thiết bị	1.769.337	11.668.973
Tiền bồi thường bảo hiểm	1.847.065	142.526
Khác	24.255.702	15.330.879
Chi phí khác	**(136.255.274)**	**(98.239.454)**
Lỗ từ thanh lý tài sản	(108.895.586)	(16.477.896)
Giá vốn mặt bằng và văn phòng cho thuê	(14.122.049)	(4.325.688)
Giá vốn công cụ và thiết bị đã bán	(897.040)	(1.231.827)
Chi phí dịch vụ đăng ký xe ô tô	(1.650.262)	(3.579.711)
Tạm ứng nộp thuế theo Quyết định số 104/QĐ-CT	-	(63.491.884)
Khác	(10.690.337)	(9.132.448)
GIÁ TRỊ THUẦN	**(39.950.359)**	**(23.455.728)**

33. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*
Chi phí hàng hóa và phụ tùng	17.930.927.961	19.695.624.648
Giá vốn chuyển nhượng căn hộ và nhà phố	1.210.873.268	-
Chi phí nhân công	1.066.888.605	1.094.253.965
Chi phí dịch vụ mua ngoài	985.240.645	1.064.309.459
Chi phí khấu hao và hao mòn	748.818.351	377.239.122
Khác	352.840.494	228.921.157
TỔNG CỘNG	**22.295.589.324**	**22.460.348.351**

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("thuế TNDN") với mức thuế suất bằng 20% thu nhập chịu thuế.

Tuy nhiên, phần lớn các công ty con của Công ty được hưởng các ưu đãi về thuế TNDN tùy thuộc vào loại hình hoạt động kinh doanh và địa điểm hoạt động của các công ty con. Thuế suất thuế TNDN ưu đãi dao động từ 10% đến 20% và được miễn và/hoặc giảm thuế TNDN cho một số năm kể từ năm đầu tiên có thu nhập chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

34.1 Chi phí thuế TNDN

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*
Chi phí thuế TNDN năm hiện hành	236.550.517	172.526.614
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	317.737	35.042.633
(Lợi ích) chi phí thuế TNDN hoãn lại	(32.113.123)	32.633.661
TỔNG CỘNG	**204.755.131**	**240.202.908**

34.2 Thuế TNDN hiện hành

Thuế TNDN hiện hành phải nộp được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế của kỳ hiện tại. Thu nhập chịu thuế của công ty mẹ và các công ty con khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các kỳ khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải nộp của công ty mẹ và các công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán.

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.2 Thuế TNDN hiện hành (tiếp theo)

Dưới đây là bảng đối chiếu giữa lợi nhuận trước thuế và thu nhập chịu thuế ước tính:

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	**2.819.802.326**	**3.949.765.740**
Các điều chỉnh:		
Thay đổi lợi nhuận chưa thực hiện	(71.338.131)	(306.926.179)
Chi phí không được khấu trừ	17.765.470	129.614.099
Phân bổ lãi do đánh giá lại tài sản của DQM vào ngày hợp nhất kinh doanh	142.972.542	-
Lợi thế thương mại phân bổ	301.474.197	20.225.269
Thay đổi dự phòng hàng tồn kho	(69.841.036)	-
Thay đổi dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(15.101.184)	2.880.694
Lỗ tính thuế của các công ty con	58.725.861	15.848.986
Lãi được chia từ của công ty liên kết	(58.331)	(36.347)
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	(41.783)	-
Thay đổi chi phí trích trước lương tháng 13 và thưởng	(47.773.476)	-
Thu nhập chịu thuế ước tính trong kỳ hiện hành	**3.136.586.455**	**3.811.372.262**
Thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	**364.194.983**	**764.085.808**
Thuế TNDN được miễn/giảm	(127.644.466)	(591.559.194)
Thuế TNDN ước tính sau khi miễn giảm	**236.550.517**	**172.526.614**
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu các kỳ trước	317.737	35.042.633
Chi phí thuế TNDN ước tính kỳ hiện hành	**236.868.254**	**207.569.247**
Thuế TNDN phải nộp đầu kỳ	181.524.182	82.947.085
Thuế TNDN đã nộp trong kỳ	(362.801.911)	(191.325.610)
Thuế TNDN phải nộp cuối kỳ	**55.590.525**	**99.190.722**

34. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP (tiếp theo)

34.3 Tài sản thuế TNDN hoãn lại

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả với các biến động trong kỳ báo cáo và kỳ trước như sau:

Ngàn VND

	Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niện độ		*Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ*	
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*
Lợi nhuận chưa thực hiện	10.364.972	10.304.199	60.773	(33.209.800)
Dự phòng khoản đầu tư tài chính dài hạn	8.396.074	8.396.074	-	-
Dự phòng hàng tồn kho	16.615.235	19.776.067	(3.160.832)	-
Dự phòng trợ cấp thôi việc	1.292.955	1.301.311	(8.357)	-
Lỗ tính thuế	9.647.268	-	9.647.268	-
Dự phòng đầu tư vào các công ty con	(16.264.617)	(13.244.380)	(3.020.237)	576.139
Lãi từ việc đánh giá lại tài sản của DQM vào ngày hợp nhất kinh doanh	(350.273.700)	(378.868.208)	28.594.508	-
TỔNG CỘNG	**(320.221.813)**	**(352.334.937)**	**32.113.123**	**(32.633.661)**
Trong đó:				
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	*30.051.887*	*26.533.271*		
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	*(350.273.700)*	*(378.868.208)*		

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong kỳ này và kỳ trước như sau:

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nghiệp vụ*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017*	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*
Công ty TNHH Đầu tư và Xây dựng Hoàng Cường	Cổ đông	Góp vốn	-	1.350.000.000
Cá nhân	Bên liên quan	Cho vay	29.500.000	-
		Tạm ứng tiền mua căn hộ	22.134.655	-

35. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN (tiếp theo)

Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, số dư các khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

Ngàn VND

Bên liên quan	*Mối quan hệ*	*Nghiệp vụ*	*Ngày 30 tháng 6 năm 2017*	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
Cá nhân	Bên liên quan	Bán hàng hóa	9.633.400	-
Công ty TNHH Ôtô Thaco - KIA Đà Nẵng	Công ty liên kết	Bán hàng hóa	2.987.009	2.987.009
			12.620.409	**2.987.009**
Phải thu ngắn hạn khác				
Cá nhân	Bên liên kết	Trả hộ	359	-
Công ty TNHH Ôtô Thaco - KIA Đà Nẵng	Công ty liên kết	Trả hộ	44.374	52.121
			44.733	**52.121**
Người mua trả tiền trước ngắn hạn				
Cá nhân	Bên liên quan	Tạm ứng tiền mua căn hộ	20.520.891	170.088.117
Vay ngắn hạn				
Cá nhân	Bên liên quan	Vay	311.480.000	406.480.000

Các giao dịch với các bên liên quan khác

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Ngàn VND

	Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016*
Lương và thù lao	13.748.401	13.008.032

36. CÁC CAM KẾT

Cam kết thuê hoạt động

Tập đoàn hiện đang thuê một số văn phòng, phòng trưng bày, mặt bằng và đất theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày kết thúc kỳ kế toán, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

		Ngàn VND
	Ngày 30 tháng 6 năm 2017	*Ngày 31 tháng 12 năm 2016*
Dưới 1 năm	49.050.655	40.693.340
Từ 1 đến 5 năm	156.872.208	109.771.809
Trên 5 năm	512.196.682	272.932.454
TỔNG CỘNG	**718.119.545**	**423.397.603**

Các cam kết về góp vốn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Công ty có các cam kết góp vốn vào các công ty con với tổng giá trị là 5.114.896.460 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 1.411.694.714 ngàn VND).

Các cam kết liên quan đến các chi phí đầu tư lớn

Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017, Tập đoàn có các cam kết trị giá 7.504.838.455 ngàn VND (ngày 31 tháng 12 năm 2016: 9.640.989.006 ngàn VND) chủ yếu liên quan đến việc xây dựng và phát triển các phòng trưng bày và trung tâm thương mại xe, và phát triển các dự án của DQM.

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các bộ phận theo khu vực địa lý là bộ phận báo cáo thứ yếu. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là sản xuất và lắp ráp xe ôtô, và kinh doanh bất động sản.

37. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tiếp theo)

Thông tin về doanh thu, lợi nhuận và một số tài sản và công nợ của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Ngàn VND

	Sản xuất và lắp ráp xe ôtô	*Kinh doanh bất động sản*	*Tổng cộng*
Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2017:			
Doanh thu bộ phận			
Doanh thu từ cung cấp dịch vụ và bán hàng ra bên ngoài	23.872.455.569	1.654.470.895	25.526.926.464
Lợi nhuận bộ phận	**4.414.286.953**	**443.597.627**	**4.857.884.580**
Đối chiếu:			
Lợi nhuận kế toán trước thuế, doanh thu và chi phí tài chính	3.175.791.802	357.019.535	3.532.811.337
Doanh thu hoạt động tài chính	227.340.871	197.204	227.538.075
Chi phí tài chính	(596.875.548)	(2.305.313)	(599.180.861)
Phần lỗ trong công ty liên kết	58.331	-	58.331
Lỗ khác	(39.545.062)	(405.297)	(39.950.359)
Chi phí không phân bổ			(301.474.197)
Lợi nhuận kế toán trước thuế			**2.819.802.326**
Vào ngày 30 tháng 6 năm 2017			
Tài sản bộ phận	**37.423.555.626**	**16.419.640.159**	**53.843.195.785**
Đối chiếu:			
Tài sản không phân bổ			2.274.886.124
Tổng tài sản			56.118.081.909
Nợ phải trả bộ phận	**(20.769.772.491)**	**(11.527.239.901)**	**(32.297.012.392)**
Đối chiếu:			
Nợ phải trả không phân bổ			377.045.972
Tổng nợ phải trả			(31.919.966.420)

Cho kỳ kế toán sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2016, hoạt động chính của Tập đoàn chủ yếu là sản xuất, lắp ráp và bán xe ôtô và phụ tùng các loại xe; và dịch vụ sửa chữa và bảo trì. Đồng thời, các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định là Tập đoàn chỉ có một bộ phận theo hoạt động kinh doanh là sản xuất và lắp ráp xe ôtô và khu vực địa lý là Việt Nam và theo đó, thông tin theo bộ phận đã không trình bày.

38. SỰ KIỆN QUAN TRỌNG

Vào ngày 2 tháng 2 năm 2017, một phần nhà máy sản xuất và lắp ráp ô tô của Công ty TNHH Một thành viên Sản xuất và Lắp ráp Ôtô khách đã bị thiệt hại do hỏa hoạn. Tài sản bị thiệt hại chủ yếu là hàng tồn kho. Tập đoàn vẫn đang trong quá trình làm việc với Công ty Bảo hiểm BIDV để xác định tổng giá trị thiệt hại và hoàn tất các thủ tục cần thiết để nhận được tiền bồi thường. Tổng giá trị thiệt hại và giá trị bồi thường có thể nhận được từ công ty bảo hiểm là chưa xác định được tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Tuy nhiên, công ty bảo hiểm đã chi tạm ứng một phần giá trị thiệt hại cho Tập đoàn. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tập đoàn sẽ được công ty bảo hiểm bồi thường toàn bộ giá trị thiệt hại do hỏa hoạn.

39. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Tập đoàn.

Đỗ Thị Liên Chi	Nguyễn Hoàng Phi	Trần Bá Dương
Người lập	Kế toán trưởng	Chủ tịch

Ngày 24 tháng 8 năm 2017